# BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

| BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 42/2011/TT-BLĐTBXH | *Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2011* |

## THÔNG TƯ
## Quy định về quy trình thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề

Căn cứ Luật Dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 70/2009/NĐ-CP ngày 21/8/2009 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về dạy nghề;

Thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 09/12/2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề như sau:

### Chương I
### QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định về quy trình thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề, bao gồm: tự kiểm định chất lượng dạy nghề của cơ sở dạy nghề; kiểm định chất lượng dạy nghề của cơ quan quản lý nhà nước về dạy nghề; công nhận kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề, cấp và thu hồi giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề.

2. Thông tư này áp dụng đối với trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề thuộc các loại hình công lập, tư thục và có vốn đầu tư nước ngoài (sau đây gọi chung là cơ sở dạy nghề).

**Điều 2. Mục đích của kiểm định chất lượng dạy nghề**

Kiểm định chất lượng dạy nghề nhằm đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung dạy nghề của trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề trong từng giai đoạn nhất định, giúp cơ sở dạy nghề tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

**Điều 3. Nguyên tắc thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề**

Thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Độc lập, khách quan, đúng pháp luật;

2. Trung thực, công khai và minh bạch.

**Điều 4. Chu kỳ thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề**

1. Tự kiểm định chất lượng dạy nghề được thực hiện định kỳ mỗi năm một lần đối với cơ sở dạy nghề trong phạm vi cả nước.

2. Kiểm định chất lượng dạy nghề được thực hiện định kỳ 5 năm một lần đối với cơ sở dạy nghề đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề.

## Chương II
## TỰ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG DẠY NGHỀ CỦA CƠ SỞ DẠY NGHỀ

**Điều 5. Quy trình tự kiểm định chất lượng dạy nghề**

1. Thực hiện công tác chuẩn bị tự kiểm định chất lượng dạy nghề.

2. Thực hiện tự kiểm định chất lượng dạy nghề của phòng đào tạo và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ khác, các khoa và bộ môn trực thuộc cơ sở dạy nghề, các đơn vị nghiên cứu, dịch vụ, phục vụ dạy nghề, các đơn vị sản xuất, doanh nghiệp (gọi chung là đơn vị) trong cơ sở dạy nghề.

3. Thực hiện tự kiểm định chất lượng cơ sở dạy nghề của hội đồng kiểm định chất lượng dạy nghề.

4. Công bố báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề trong cơ sở dạy nghề và gửi báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề.

**Điều 6. Thực hiện công tác chuẩn bị tự kiểm định chất lượng dạy nghề**

1. Thành lập hội đồng kiểm định chất lượng dạy nghề của cơ sở dạy nghề (sau đây gọi là Hội đồng kiểm định) đối với cơ sở dạy nghề chưa thành lập Hội đồng kiểm định; kiện toàn Hội đồng kiểm định, đối với cơ sở dạy nghề đã thành lập Hội đồng kiểm định (nếu cần thiết).

2. Hàng năm, cơ sở dạy nghề xây dựng, phê duyệt kế hoạch thực hiện tự kiểm định chất lượng dạy nghề.

Kế hoạch thực hiện tự kiểm định chất lượng dạy nghề gồm các nội dung chính: mục tiêu; các công việc phải làm và trình tự thực hiện; phân công cụ thể cho đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện; tiến độ thời gian thực hiện; các kết quả, sản phẩm phải hoàn thành và kinh phí bảo đảm để thực hiện kế hoạch.

**Điều 7. Hội đồng kiểm định chất lượng dạy nghề của cơ sở dạy nghề**

1. Hội đồng kiểm định do hiệu trưởng trường cao đẳng nghề, hiệu trưởng trường trung cấp nghề, giám đốc trung tâm dạy nghề (sau đây gọi chung là người đứng đầu cơ sở dạy nghề) quyết định thành lập.

2. Hội đồng kiểm định của trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề có ít nhất 9 (chín) thành viên. Hội đồng kiểm định của trung tâm dạy nghề có ít nhất 5 (năm) thành viên.

3. Thành phần Hội đồng kiểm định gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng kiểm định là người đứng đầu cơ sở dạy nghề;

b) Phó chủ tịch Hội đồng kiểm định là cấp phó của người đứng đầu cơ sở dạy nghề phụ trách công tác đào tạo;

c) Thư ký Hội đồng kiểm định là người đứng đầu đơn vị phụ trách công tác kiểm định chất lượng hoặc trưởng phòng đào tạo của cơ sở dạy nghề;

d) Các thành viên khác của Hội đồng kiểm định là đại diện lãnh đạo các đơn vị và một số giảng viên, giáo viên có uy tín của cơ sở dạy nghề. Cơ sở dạy nghề có thể mời chuyên gia ngoài cơ sở dạy nghề tham gia Hội đồng kiểm định.

4. Hội đồng kiểm định làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận để đi đến thống nhất.

**Điều 8. Nhiệm vụ của Hội đồng kiểm định**

1. Xây dựng kế hoạch thực hiện tự kiểm định chất lượng dạy nghề, trình người đứng đầu cơ sở dạy nghề phê duyệt.

2. Hướng dẫn các đơn vị trong cơ sở dạy nghề thực hiện tự kiểm định chất lượng dạy nghề và viết báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề của đơn vị.

3. Thực hiện tự kiểm định chất lượng dạy nghề cơ sở dạy nghề theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 và Điều 11 của Thông tư này.

4. Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự kiểm định chất lượng dạy nghề của cơ sở dạy nghề.

**Điều 9. Trách nhiệm của các thành viên Hội đồng kiểm định**

1. Chủ tịch Hội đồng kiểm định chịu trách nhiệm về các hoạt động của Hội đồng kiểm định, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng kiểm định; triệu tập và điều hành các phiên họp của Hội đồng kiểm định; chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng kiểm định; giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai tự kiểm định chất lượng dạy nghề; ký kế hoạch hoạt động, các báo cáo của Hội đồng kiểm định.

2. Phó chủ tịch Hội đồng kiểm định có trách nhiệm điều hành hội đồng khi được Chủ tịch Hội đồng kiểm định ủy quyền và thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng kiểm định phân công.

3. Thư ký Hội đồng kiểm định có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc triển khai các hoạt động của Hội đồng kiểm định; tổng hợp, viết báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề của cơ sở dạy nghề và thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng kiểm định phân công.

4. Các thành viên khác của Hội đồng kiểm định có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng kiểm định phân công.

**Điều 10. Thực hiện tự kiểm định chất lượng dạy nghề của các đơn vị trong cơ sở dạy nghề**

1. Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

2. Đánh giá, xác định mức độ đạt được theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng dạy nghề có liên quan; phân tích, chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của đơn vị.

3. Viết báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề của đơn vị và gửi hội đồng kiểm định của cơ sở dạy nghề.

4. Tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của đơn vị.

**Điều 11. Thực hiện tự kiểm định chất lượng cơ sở dạy nghề của Hội đồng kiểm định**

1. Nghiên cứu báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề của các đơn vị trong cơ sở dạy nghề.

2. Tổng hợp thông tin, minh chứng theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng dạy nghề.

3. Kiểm tra thực tế, thu thập thêm thông tin, minh chứng theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng dạy nghề.

4. Đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng dạy nghề; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng dạy nghề.

5. Viết dự thảo báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề của cơ sở dạy nghề (theo mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư này), gửi các đơn vị trong cơ sở dạy nghề để lấy ý kiến.

6. Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề của cơ sở dạy nghề.

**Điều 12. Công bố báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề trong cơ sở dạy nghề và gửi báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề**

1. Người đứng đầu cơ sở dạy nghề triệu tập cuộc họp công bố báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề trong nội bộ cơ sở dạy nghề. Thành phần dự họp gồm: các thành viên Hội đồng kiểm định, người đứng đầu các đơn vị trong cơ sở dạy nghề.

2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày công bố báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề trong nội bộ cơ sở dạy nghề, cơ sở dạy nghề gửi báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề về Tổng cục Dạy nghề.

## Chương III
## KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG DẠY NGHỀ CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ DẠY NGHỀ

**Điều 13. Quy trình kiểm định chất lượng dạy nghề**

1. Đánh giá báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề của cơ sở dạy nghề.

2. Thành lập đoàn kiểm định chất lượng dạy nghề.

3. Thực hiện khảo sát thực tế tại cơ sở dạy nghề.

4. Lập hồ sơ kiểm định chất lượng dạy nghề.

**Điều 14. Đánh giá báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề của cơ sở dạy nghề**

1. Nội dung đánh giá báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng của cơ sở dạy nghề gồm: quy trình thực hiện tự kiểm định chất lượng dạy nghề, cấu trúc của bản báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề, sự phù hợp giữa các thông tin, minh chứng theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí với nội dung tự đánh giá và điểm đánh giá kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề của cơ sở dạy nghề.

2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề của cơ sở dạy nghề, Tổng cục Dạy nghề tổ chức đánh giá báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề của cơ sở dạy nghề và thông báo kết quả đánh giá bằng văn bản cho cơ sở dạy nghề.

**Điều 15. Thành lập đoàn kiểm định chất lượng dạy nghề**

1. Căn cứ kết quả đánh giá báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề của cơ sở dạy nghề và kế hoạch kiểm định chất lượng dạy nghề hàng năm, Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề quyết định thành lập đoàn kiểm định chất lượng dạy nghề để thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề tại cơ sở dạy nghề.

2. Đoàn kiểm định chất lượng dạy nghề (sau đây gọi là đoàn kiểm định) đối với trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề có từ 5 (năm) đến 9 (chín) thành viên; đoàn kiểm định đối với trung tâm dạy nghề có từ 3 (ba) đến 7 (bảy) thành viên; gồm trưởng đoàn, thư ký đoàn và các thành viên khác trong đoàn kiểm định (sau đây gọi chung là kiểm định viên chất lượng dạy nghề).

3. Tiêu chuẩn của kiểm định viên chất lượng dạy nghề:

a) Đã hoàn thành chương trình đào tạo kiểm định viên chất lượng dạy nghề;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên;

c) Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm trong giảng dạy, quản lý hoặc nghiên cứu khoa học về dạy nghề;

d) Có phẩm chất, đạo đức tốt; trung thực, khách quan, lý lịch rõ ràng;

đ) Có khả năng giao tiếp, thu thập thông tin, phân tích, tổng hợp, sử dụng thành thạo máy vi tính.

4. Những trường hợp không được tham gia đoàn kiểm định:

a) Trước đây và hiện nay làm việc, học tập tại cơ sở dạy nghề được kiểm định;

b) Góp vốn, mua cổ phần hoặc thực hiện hợp đồng kinh tế, hợp đồng tư vấn tự kiểm định chất lượng dạy nghề với cơ sở dạy nghề được kiểm định;

c) Có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột đang làm việc, học tập trong cơ sở dạy nghề được kiểm định.

5. Những hành vi nghiêm cấm đối với kiểm định viên chất lượng dạy nghề:

a) Thông đồng, móc nối với cơ sở dạy nghề được kiểm định để làm sai lệch nội dung báo cáo kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề;

b) Mua hoặc nhận biếu, tặng các loại cổ phiếu, tiền hoặc tài sản khác của cơ sở dạy nghề được kiểm định;

c) Tiết lộ thông tin về cơ sở dạy nghề được kiểm định mà mình biết được khi kiểm định, trừ trường hợp cơ sở dạy nghề đồng ý hoặc pháp luật có quy định khác.

**Điều 16. Nhiệm vụ của đoàn kiểm định**

1. Xây dựng kế hoạch hoạt động của đoàn kiểm định, phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng thành viên trong đoàn kiểm định; báo cáo Tổng cục Dạy nghề về kế hoạch hoạt động của đoàn và thông báo cho cơ sở dạy nghề trước ngày khảo sát thực tế ít nhất 3 (ba) ngày làm việc.

2. Nghiên cứu báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề của cơ sở dạy nghề và các văn bản, tài liệu, thông tin, minh chứng kèm theo.

3. Thực hiện khảo sát thực tế tại cơ sở dạy nghề.

4. Lập báo cáo kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề (theo mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư này).

5. Họp với cơ sở dạy nghề về dự thảo báo cáo kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề.

6. Lập hồ sơ kiểm định chất lượng dạy nghề, gửi Tổng cục Dạy nghề.

7. Giải trình các nội dung liên quan đến kiểm định chất lượng dạy nghề tại cơ sở dạy nghề theo yêu cầu của Tổng cục Dạy nghề.

**Điều 17. Nhiệm vụ của trưởng đoàn kiểm định, thư ký đoàn kiểm định và các thành viên khác trong đoàn kiểm định**

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Trưởng đoàn kiểm định điều hành các hoạt động của đoàn kiểm định; chịu trách nhiệm về báo cáo kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề. Trưởng đoàn ký các văn bản, kế hoạch, biên bản và các báo cáo của đoàn kiểm định.

3. Thư ký đoàn kiểm định giúp trưởng đoàn triển khai các hoạt động và chuẩn bị các báo cáo của đoàn; thực hiện các nhiệm vụ khác do trưởng đoàn phân công và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

4. Các thành viên khác trong đoàn kiểm định thực hiện các nhiệm vụ do trưởng đoàn kiểm định phân công và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

5. Trưởng đoàn kiểm định, thư ký đoàn kiểm định và các thành viên khác trong đoàn kiểm định có trách nhiệm giữ bí mật các thông tin liên quan đến nội dung công việc, các kết quả kiểm định trước khi thông báo với cơ sở dạy nghề.

**Điều 18. Đoàn kiểm định thực hiện khảo sát thực tế tại cơ sở dạy nghề**

1. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định thành lập, đoàn kiểm định phải tiến hành khảo sát thực tế tại cơ sở dạy nghề.

2. Thời gian khảo sát thực tế của đoàn kiểm định tại cơ sở dạy nghề tối đa là 7 (bảy) ngày làm việc.

Trường hợp cơ sở dạy nghề có các cơ sở đào tạo ở các tỉnh, thành phố khác nhau, thời gian khảo sát thực tế của đoàn kiểm định tại cơ sở dạy nghề có thể kéo dài, nhưng tối đa không quá 10 (mười) ngày làm việc.

3. Hoạt động khảo sát thực tế tại cơ sở dạy nghề:

a) Họp với Hội đồng kiểm định của cơ sở dạy nghề để thông báo chương trình làm việc của đoàn kiểm định tại cơ sở dạy nghề;

b) Làm việc với các đơn vị trong cơ sở dạy nghề và thành viên Hội đồng kiểm định để thu thập, kiểm tra, xác nhận thông tin, minh chứng của cơ sở dạy nghề;

c) Gặp gỡ, phỏng vấn, trao đổi với đại diện cán bộ quản lý, giáo viên, người học nghề và người sử dụng lao động theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên để thu thập, kiểm tra thông tin, minh chứng của cơ sở dạy nghề;

d) Tổng hợp thông tin, minh chứng đã thu được trong quá trình kiểm định theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng dạy nghề do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành và đánh giá, xác định mức độ cơ sở dạy nghề đạt được theo từng chỉ số, tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng dạy nghề;

đ) Lập dự thảo báo cáo kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề. Dự thảo báo cáo kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề phải được ít nhất 2/3 số thành viên của đoàn kiểm định nhất trí thông qua;

e) Họp với cơ sở dạy nghề về dự thảo báo cáo kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề.

**Điều 19. Đoàn kiểm định họp với cơ sở dạy nghề về dự thảo báo cáo kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề**

1. Đoàn kiểm định họp với cơ sở dạy nghề về dự thảo báo cáo kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề vào ngày cuối cùng của đợt khảo sát thực tế để trao đổi về nội dung dự thảo báo cáo kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề. Thành phần tham dự cuộc họp gồm: đoàn kiểm định, Hội đồng kiểm định và các đại biểu khác của cơ sở dạy nghề do người đứng đầu cơ sở dạy nghề mời. Dự thảo báo cáo kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề được đoàn kiểm định gửi cho người đứng đầu cơ sở dạy nghề trước khi tổ chức cuộc họp ít nhất một ngày.

2. Nội dung cuộc họp về dự thảo báo cáo kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề của đoàn kiểm định:

a) Đoàn kiểm định trình bày toàn văn dự thảo báo cáo kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề;

b) Đoàn kiểm định và cơ sở dạy nghề trao đổi về các nội dung của dự thảo báo cáo kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề.

3. Lập biên bản cuộc họp giữa đoàn kiểm định và cơ sở dạy nghề xác nhận quá trình làm việc của đoàn kiểm định tại cơ sở dạy nghề; xác nhận toàn bộ minh chứng của cơ sở dạy nghề đã cung cấp cho đoàn kiểm định; các ý kiến của cơ sở dạy nghề và của đoàn kiểm định trao đổi tại cuộc họp.

**Điều 20. Lập hồ sơ kiểm định chất lượng dạy nghề**

1. Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc khảo sát thực tế tại cơ sở dạy nghề, đoàn kiểm định lập hồ sơ kiểm định chất lượng dạy nghề, gửi Tổng cục Dạy nghề.

2. Hồ sơ kiểm định chất lượng dạy nghề gồm:

a) Báo cáo quá trình thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề của đoàn kiểm định;

b) Báo cáo kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề;

c) Biên bản cuộc họp giữa đoàn kiểm định và cơ sở dạy nghề về dự thảo báo cáo kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề;

d) Báo cáo giải trình của đoàn kiểm định về những ý kiến khác nhau (nếu có) giữa đoàn kiểm định và cơ sở dạy nghề đối với dự thảo báo cáo kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề.

## Chương IV
## CÔNG NHẬN KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG DẠY NGHỀ, CẤP VÀ THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG DẠY NGHỀ

**Điều 21. Quy trình công nhận kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề**

1. Thẩm định hồ sơ kiểm định chất lượng dạy nghề.

2. Công nhận kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề.

3. Công bố kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề.

**Điều 22. Thẩm định hồ sơ kiểm định chất lượng dạy nghề**

1. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ kiểm định chất lượng dạy nghề, Tổng cục Dạy nghề tổ chức thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, công nhận kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề.

2. Việc thẩm định hồ sơ kiểm định chất lượng dạy nghề do hội đồng thẩm định hồ sơ kiểm định chất lượng dạy nghề quy định tại Điều 23 của Thông tư này thực hiện.

**Điều 23. Hội đồng thẩm định hồ sơ kiểm định chất lượng dạy nghề**

1. Hội đồng thẩm định hồ sơ kiểm định chất lượng dạy nghề (sau đây gọi là Hội đồng) do Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề quyết định thành lập. Hội đồng

có 9 thành viên, gồm: Chủ tịch Hội đồng là Phó Tổng cục trưởng phụ trách công tác kiểm định chất lượng dạy nghề; Phó chủ tịch Hội đồng là Vụ trưởng Vụ Kiểm định chất lượng dạy nghề; Thư ký Hội đồng là Trưởng phòng Kiểm định và Công nhận chất lượng; các ủy viên Hội đồng là cán bộ quản lý, chuyên gia về kiểm định chất lượng dạy nghề và đại diện lãnh đạo một số Vụ thuộc Tổng cục Dạy nghề.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng:

a) Thẩm định hồ sơ kiểm định chất lượng dạy nghề;

b) Báo cáo kết quả thẩm định với Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề.

3. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, thảo luận tập thể những vấn đề thuộc nhiệm vụ của Hội đồng. Các quyết định của Hội đồng phải được ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng nhất trí thông qua.

**Điều 24. Công nhận kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề**

1. Trong thời hạn 3 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Hội đồng thẩm định, Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định công nhận kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề.

2. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề (theo mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư này) cho cơ sở dạy nghề đạt kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề ở cấp độ 3.

3. Quyết định công nhận kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề, Quyết định cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Dạy nghề và các phương tiện thông tin đại chúng.

**Điều 25. Thu hồi giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề**

1. Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Cơ sở dạy nghề bị tước quyền sử dụng có thời hạn hoặc không thời hạn quyết định thành lập, quyết định cho phép thành lập, hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề;

b) Cơ sở dạy nghề bị buộc đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động dạy nghề;

c) Cơ sở dạy nghề không tổ chức tự kiểm định chất lượng dạy nghề và không có báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề theo quy định tại khoản 8 Điều 27 của Thông tư này;

d) Kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề của cơ sở dạy nghề không đạt cấp độ 3.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề xem xét trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định thu hồi giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề.

3. Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Dạy nghề và các phương tiện thông tin đại chúng.

## Chương V
## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 26. Trách nhiệm của Tổng cục Dạy nghề**

1. Lập kế hoạch kiểm định chất lượng dạy nghề hàng năm trình Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt và thông báo đến các cơ sở dạy nghề và các cơ quan có liên quan để phối hợp chỉ đạo, triển khai hoạt động kiểm định chất lượng dạy nghề.

2. Quản lý và tổ chức thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề. Hướng dẫn các cơ sở dạy nghề thực hiện tự kiểm định chất lượng dạy nghề. Thành lập đoàn kiểm định.

3. Hướng dẫn cụ thể nội dung của báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề của cơ sở dạy nghề; báo cáo kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề của đoàn kiểm định.

4. Xây dựng chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng kiểm định viên chất lượng dạy nghề và cán bộ tự kiểm định chất lượng dạy nghề.

5. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tự kiểm định chất lượng dạy nghề.

6. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiểm định viên chất lượng dạy nghề; huy động và quản lý đội ngũ kiểm định viên chất lượng dạy nghề tham gia vào các hoạt động kiểm định chất lượng dạy nghề.

7. Tổ chức kiểm tra, xử lý các kiến nghị của cơ sở dạy nghề về báo cáo kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề. Giải quyết khiếu nại của cơ sở dạy nghề về kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề theo quy định của pháp luật.

8. Tổ chức thẩm định hồ sơ kiểm định chất lượng dạy nghề. Trình Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề; cấp và thu hồi giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề.

9. Công bố công khai kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề để người học nghề, xã hội biết và giám sát.

10. Hàng năm tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình kiểm định chất lượng dạy nghề.

**Điều 27. Trách nhiệm của cơ sở dạy nghề**

1. Lập kế hoạch thực hiện tự kiểm định chất lượng dạy nghề hàng năm.

2. Thực hiện tự kiểm định chất lượng dạy nghề và báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề với Tổng cục Dạy nghề.

3. Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho đoàn kiểm định thực hiện khảo sát thực tế tại cơ sở dạy nghề.

4. Phân công một lãnh đạo và cán bộ chuyên trách làm đầu mối làm việc với đoàn kiểm định. Bố trí các đơn vị làm việc với đoàn kiểm định.

5. Trao đổi, thảo luận công khai với đoàn kiểm định về dự thảo báo cáo kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề.

6. Khiếu nại, tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các quyết định, kết luận, hành vi của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ kiểm định chất lượng dạy nghề khi có căn cứ cho là các quyết định, kết luận đó không đúng, hành vi đó trái pháp luật.

7. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hành động để khắc phục những điểm tồn tại, nhằm duy trì và nâng cao chất lượng dạy nghề.

8. Hàng năm, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề, cơ sở dạy nghề tổ chức tự kiểm định chất lượng dạy nghề và báo cáo Tổng cục Dạy nghề kết quả tự kiểm định chất lượng dạy nghề (theo mẫu số 4 ban hành kèm theo Thông tư này).

**Điều 28. Trách nhiệm của Bộ, ngành, địa phương**

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương của Tổ chức chính trị - xã hội có cơ sở dạy nghề trực thuộc; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm chỉ đạo các cơ sở dạy nghề thuộc quyền quản lý thực hiện tự kiểm định chất lượng dạy nghề và phối hợp với Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong hoạt động kiểm định chất lượng dạy nghề.

**Điều 29. Trách nhiệm và trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo trong kiểm định chất lượng dạy nghề**

1. Trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo trong kiểm định chất lượng dạy nghề:

a) Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân về tự kiểm định chất lượng dạy nghề; tổ chức đoàn kiểm định chất lượng dạy nghề; thẩm định kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề; kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề;

b) Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân về công nhận kết quả kiểm định chất lượng dạy nghề; cấp, thu hồi giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề.

2. Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân về kiểm định chất lượng dạy nghề thực hiện theo quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện hành.

**Điều 30. Kinh phí hoạt động kiểm định chất lượng dạy nghề**

1. Kinh phí hoạt động kiểm định chất lượng dạy nghề được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định hiện hành.

2. Kinh phí hoạt động tự kiểm định chất lượng dạy nghề của cơ sở dạy nghề công lập được bố trí trong dự toán chi ngân sách thường xuyên theo phân cấp quản lý nhà nước hiện hành và nguồn thu hợp pháp của cơ sở dạy nghề.

3. Kinh phí hoạt động tự kiểm định chất lượng dạy nghề của cơ sở dạy nghề tư thục do cơ sở dạy nghề bố trí trong nguồn thu hợp pháp của cơ sở dạy nghề.

4. Các cơ sở dạy nghề được phép nhận các tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước phục vụ các hoạt động liên quan đến kiểm định chất lượng dạy nghề.

5. Việc lập dự toán, quản lý, thanh, quyết toán kinh phí thực hiện hoạt động kiểm định chất lượng dạy nghề thực hiện theo quy định hiện hành.

**Điều 31. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2012.

2. Bãi bỏ các quy định sau:

a) Quyết định số 08/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 25/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về quy trình kiểm định chất lượng dạy nghề;

b) Khoản 2 Điều 4, Điều 13 và Điều 14 của Quyết định số 07/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 25/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về kiểm định viên chất lượng dạy nghề.

3. Các cơ quan, tổ chức trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát hiện những điểm mới phát sinh, có trách nhiệm phản ánh kịp thời về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để hướng dẫn hoặc bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp./.

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Ngọc Phi**

**MẪU SỐ 1. BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG DẠY NGHỀ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề)

<TÊN BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG>

**<TÊN CƠ SỞ DẠY NGHỀ>**

# BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG DẠY NGHỀ NĂM .....

*..... tháng ..... năm.....*

# NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG DẠY NGHỀ

**CÁC TỪ VIẾT TẮT**

**PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ DẠY NGHỀ**

**1 THÔNG TIN CHUNG CỦA CƠ SỞ DẠY NGHỀ**

**2 THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TÍCH NỔI BẬT CỦA CƠ SỞ DẠY NGHỀ**

**3 CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CỦA CƠ SỞ DẠY NGHỀ**

**4 CÁC NGHỀ ĐÀO TẠO VÀ QUY MÔ ĐÀO TẠO CỦA CƠ SỞ DẠY NGHỀ**

**5 CƠ SỞ VẬT CHẤT, THƯ VIỆN, TÀI CHÍNH**

**PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CỦA CƠ SỞ DẠY NGHỀ**

**1 ĐẶT VẤN ĐỀ**

**2 TỔNG QUAN CHUNG**

2.1 Căn cứ tự kiểm định

2.2 Mục đích tự kiểm định

2.3 Yêu cầu tự kiểm định

2.4 Phương pháp tự kiểm định

2.5 Các bước tiến hành tự kiểm định

**3 TỰ ĐÁNH GIÁ**

**3.1 Tổng hợp kết quả tự kiểm định[1]**

**3.2 Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn**

3.2.1 Tiêu chí 1. Mục tiêu và nhiệm vụ[2]

3.2.2 Tiêu chí 2. Tổ chức và quản lý

3.2.3 Tiêu chí 3. Hoạt động dạy và học

3.2.4 Tiêu chí 4. Giáo viên và cán bộ quản lý

3.2.5 Tiêu chí 5. Chương trình và giáo trình

3.2.6 Tiêu chí 6. Thư viện

3.2.7 Tiêu chí 7. Cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học

3.2.8 Tiêu chí 8. Quản lý tài chính

3.2.9 Tiêu chí 9. Các dịch vụ cho người học nghề

**PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

**PHỤ LỤC**

**Phụ lục 1. Quyết định thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng dạy nghề của cơ sở dạy nghề (hoặc Quyết định kiện toàn Hội đồng kiểm định chất lượng dạy nghề của cơ sở dạy nghề)**

**Phụ lục 2. Kế hoạch tự kiểm định của cơ sở dạy nghề**

**Phụ lục 3. Bảng mã minh chứng[3]**

---

[1] Tổng hợp kết quả tự kiểm định theo Mẫu 1.1

[2] Báo cáo đánh giá chi tiết Tiêu chí theo Mẫu 1.2

[3] Bảng mã minh chứng theo Mẫu 1.3

## Mẫu 1.1. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số<br>(*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số*) | Điểm chuẩn | Cơ sở dạy nghề tự đánh giá |
|---|---|---|---|
| | **ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC** | | |
| | **Tổng điểm** | | |
| **1** | **Tiêu chí 1: Mục tiêu và nhiệm vụ** | | |
| | Tiêu chuẩn 1.1……..……. | | |
| | Chỉ số 1 …… | | |
| | Chỉ số 2 …… | | |
| | Chỉ số .....…… | | |
| | Tiêu chuẩn 1.2……..... | | |
| | Chỉ số 1 …… | | |
| | Chỉ số 2 …… | | |
| | Chỉ số .....…… | | |
| | Tiêu chuẩn 1.3……..... | | |
| | Chỉ số 1 …… | | |
| | Chỉ số 2 …… | | |
| | Chỉ số .....…… | | |
| | .... | | |
| | .... | | |
| **2** | ***Các Tiêu chí 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 trình bày tương tự như Tiêu chí 1*** | | |

## Mẫu 1.2. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT TIÊU CHÍ <N> (N = 1 - 9)

**Đánh giá tổng quát tiêu chí <N>:**

***Mở đầu*** (ngắn gọn): *phần này mô tả, phân tích chung về những thông tin, minh chứng của cơ sở dạy nghề, phản ánh về các chỉ số, tiêu chuẩn trong tiêu chí.*

** Những điểm mạnh:* (tóm tắt phần mô tả những điểm mạnh trong phần đánh giá các tiêu chuẩn trong tiêu chí <N>)

** Những tồn tại và kế hoạch:* (tóm tắt những tồn tại và kế hoạch khắc phục trong phần đánh giá các tiêu chuẩn trong tiêu chí <N>)

***Tiêu chuẩn N.1****:* .....
a).....
b) .....
.....
i) .....

**1. Mô tả**

***Chỉ số 1 (a)*** . .....

***Tự đánh giá chỉ số 1 (a)***:

***Chỉ số 2 (b)***.....

***Tự đánh giá chỉ số 2 (b)***:

***Chỉ số i***.....

***Tự đánh giá chỉ số i****:*

**2. Đánh giá**

- Điểm mạnh: …….
- Điểm tồn tại:…….

…….....

**3. Kế hoạch***:*

……

**4. Tự đánh giá tiêu chuẩn N.1 đạt: *n điểm***

***Tiêu chuẩn N.2**:* .....
a).....
b) .....
.....
i) .....

***(Trình bày tương tự Tiêu chuẩn N.1)***

***Tiêu chuẩn N.j**:* .....
a).....
b) .....
.....
i) .....

***(Trình bày tương tự Tiêu chuẩn N.1)***

## Mẫu 1.3. BẢNG MÃ MINH CHỨNG

| Số TT | Tiêu chí, Tiêu chuẩn | Chỉ số | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số | Tên minh chứng |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 1.1 | Chỉ số 1 | 1.1.1.01 | | |
| 2 | | | 1.1.1.02 | | |
| 3 | | | 1.1.1.03 | | |
| 4 | 1.1 | Chỉ số 2 | 1.1.2.01 | | |
| 5 | | | | (Ví dụ 1.1.1.02) | |
| 6 | | | 1.1.2.02 | | |
| 7 | | | 1.1.2.03 | | |
| 8 | | | 1.1.2.04 | | |
| 9 | | | 1.1.2.05 | | |
| 10 | 1.2 | Chỉ số 1 | 1.2.1.01 | | |
| 11 | | | 1.2..1.02 | | |
| 12 | | | 1.2.1.03 | | |
| 13 | | | 1.2.1.04 | | |
| 14 | | | 1.2.1.05 | | |
| 15 | | | …… | | |

*(Kéo dài bảng theo mẫu trên lần lượt theo thứ tự tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số và số lượng minh chứng của đơn vị)*

*Lưu ý: Tên minh chứng cần nêu rõ Trích yếu nội dung; Ngày, tháng, năm ban hành; Người có thẩm quyền ký ban hành).*

**MẪU SỐ 2. BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG DẠY NGHỀ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề)*

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

**TỔNG CỤC DẠY NGHỀ**

# BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG DẠY NGHỀ NĂM .....

## *<Tên cơ sở dạy nghề>*

*Tháng.... năm.....*

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
**TỔNG CỤC DẠY NGHỀ**

*Ngày tháng năm*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH**
**CHẤT LƯỢNG DẠY NGHỀ NĂM** .....
***<Tên cơ sở dạy nghề>***

**Danh sách thành viên Đoàn kiểm định chất lượng dạy nghề**

| STT | Họ và tên | Chức vụ - Đơn vị công tác | Trách nhiệm trong Đoàn kiểm định | Tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách | Chữ ký |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

## NỘI DUNG CHÍNH
## CỦA BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG DẠY NGHỀ

**Danh mục các chữ viết tắt**

**Phần I. TỔNG QUAN**

1. Giới thiệu về việc tổ chức kiểm định chất lượng cơ sở dạy nghề
2. Tóm tắt quá trình khảo sát thực tế tại cơ sở dạy nghề của đoàn kiểm định
3. Tóm tắt nhận xét của đoàn kiểm định về báo cáo tự kiểm định của cơ sở dạy nghề

**Phần II. ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG**

**1. Bảng điểm tổng hợp đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng[1]**

**2. Đánh giá chi tiết tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng**

Tiêu chí 1: Mục tiêu và nhiệm vụ[2]

Tiêu chí 2: Tổ chức và quản lý

Tiêu chí 3: Hoạt động dạy và học

Tiêu chí 4: Giáo viên và cán bộ quản lý

Tiêu chí 5: Chương trình, giáo trình

Tiêu chí 6: Thư viện

Tiêu chí 7: Cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học

Tiêu chí 8: Quản lý tài chính

Tiêu chí 9: Các dịch vụ cho người học nghề

**PHẦN III. TỔNG KẾT NHỮNG ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM TỒN TẠI CHÍNH CỦA CƠ SỞ DẠY NGHỀ VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**1. Điểm mạnh chủ yếu của cơ sở dạy nghề**

**2. Điểm tồn tại chủ yếu của cơ sở dạy nghề**

**3. Đề xuất, kiến nghị:**

- Đề xuất, kiến nghị với cơ sở dạy nghề
- Đề xuất, kiến nghị với các cơ quan khác

**PHỤ LỤC**

Phụ lục 1: Kết quả kiểm tra minh chứng của cơ sở dạy nghề và tổng hợp các minh chứng bổ sung

Phụ lục 2: Thông tin cơ bản về cơ sở dạy nghề được kiểm định

Phụ lục 3: Quyết định thành lập Đoàn kiểm định

Phụ lục 4: Thông tin cơ bản về các thành viên Đoàn kiểm định

---

[1] Bảng điểm tổng hợp đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng theo Mẫu 2.1

[2] Báo cáo đánh giá chi tiết Tiêu chí theo Mẫu 2.2

**Mẫu 2.1. BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN**

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số<br>(*ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số*) | Cơ sở dạy nghề tự đánh giá | Đoàn kiểm định đánh giá |
|---|---|---|---|
| | **ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC** | | |
| | **Tổng điểm** | | |
| **1** | **Tiêu chí 1: Mục tiêu và nhiệm vụ** | | |
| | Tiêu chuẩn 1.1……..……. | | |
| | Chỉ số 1 …… | | |
| | Chỉ số 2 …… | | |
| | Chỉ số .....…… | | |
| | Tiêu chuẩn 2……..... | | |
| | Chỉ số 1 …… | | |
| | Chỉ số 2 …… | | |
| | Chỉ số .....…… | | |
| | Tiêu chuẩn 3……. | | |
| | Chỉ số 1 …… | | |
| | Chỉ số 2 …… | | |
| | Chỉ số .....…… | | |
| | ..... | | |
| | ..... | | |
| **2** | ***Các Tiêu chí 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 trình bày tương tự như Tiêu chí 1*** | | |

## Mẫu 2.2. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT TIÊU CHÍ <N>
## (N = 1 - 9)

***Tiêu chuẩn N.1***: .....
a).....
b) .....
.....
i) .....

**1. Đánh giá theo chỉ số**

***a) Chỉ số 1 (a)***

Cơ sở dạy nghề tự đánh giá:

Đoàn KĐCLDN đánh giá:

***b) Chỉ số 2 (b)***

Cơ sở dạy nghề tự đánh giá:

Đoàn KĐCLDN đánh giá:

***c) Chỉ số i***

Cơ sở dạy nghề tự đánh giá:

Đoàn KĐCLDN đánh giá:

**2. Đánh giá tiêu chuẩn N.1**

| Tiêu chuẩn, chỉ số | Cơ sở dạy nghề tự đánh giá | Đoàn kiểm định đánh giá |
|---|---|---|
| ***Tiêu chuẩn N.1*** | Điểm (ghi rõ số, bằng chữ) | Điểm (ghi rõ số, bằng chữ) |
| ***Chỉ số 1 (a)*** | | |
| ***Chỉ số 2 (b)*** | | |
| ***Chỉ số i*** | | |

- **Các điểm mạnh:**
- **Các điểm tồn tại:**
- **Khuyến nghị đối với cơ sở dạy nghề:**

***Tiêu chuẩn N.2:*** .....
a).....
b) .....
.....
i) .....

***(Trình bày tương tự Tiêu chuẩn N.1)***

***Tiêu chuẩn N.j:*** .....
a).....
b) .....
.....
i) .....

***(Trình bày tương tự Tiêu chuẩn N.1)***

**TÓM TẮT ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ <N>**

**- Điểm đánh giá:**

| Tiêu chí, tiêu chuẩn | Điểm CSDN tự đánh giá | Điểm Đoàn KĐCLDN đánh giá |
|---|---|---|
| **Tiêu chí N** | | |
| ***Tiêu chuẩn N.1*** | | |
| ***Tiêu chuẩn N.2*** | | |
| ***Tiêu chuẩn N.j*** | | |

**- Các điểm mạnh:**

**- Các điểm tồn tại:**

**- Khuyến nghị đối với cơ sở dạy nghề:**

## MẪU SỐ 3. GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG DẠY NGHỀ

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề)*

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**
**Independence - Freedom - Happiness**

**CERTIFICATE OF VOCATIONAL TRAINING ACCREDITATION**

**MINISTER OF LABOUR - WAR INVALIDS AND SOCIAL AFFAIRS**

**RECOGNIZES**

……

has met the required vocational training accreditation, according to Decision No. .../QD-LDTBXH dated ... of the Minister of Labour - War Invalids and Social Affairs.

Date of issue: ……..

Date of expiry: ……....

*Ha Noi, .....*

Minister of Labour - War Invalids and Social Affairs

Registration No.: .....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG DẠY NGHỀ**

**BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

**CÔNG NHẬN**

……

đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng dạy nghề, theo Quyết định số ...../QĐ-LĐTBXH ngày ..... của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Ngày cấp: ……..

Có giá trị đến: ……

*Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm .....*

**BỘ TRƯỞNG**

Số đăng ký: .....

**MẪU SỐ 4. BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH DẠY NGHỀ CỦA CƠ SỞ DẠY NGHỀ ĐÃ ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG DẠY NGHỀ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 42/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình thực hiện kiểm định chất lượng dạy nghề)*

<TÊN BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG>
**<CƠ SỞ DẠY NGHỀ>**

# BÁO CÁO

## KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG DẠY NGHỀ

## NĂM <M>

(CƠ SỞ DẠY NGHỀ ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG DẠY NGHỀ NĂM …..)

*..... tháng ..... năm.....*

## NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG DẠY NGHỀ

**CÁC TỪ VIẾT TẮT**

**PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ DẠY NGHỀ**

**1 THÔNG TIN CHUNG CỦA CƠ SỞ DẠY NGHỀ**

**2 THÀNH TÍCH NỔI BẬT CỦA CƠ SỞ DẠY NGHỀ TRONG NĂM VỪA QUA**

**3 CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ CỦA CƠ SỞ DẠY NGHỀ**

**4 CÁC NGHỀ ĐÀO TẠO VÀ QUY MÔ ĐÀO TẠO CỦA CƠ SỞ DẠY NGHỀ**

**5 CƠ SỞ VẬT CHẤT, THƯ VIỆN, TÀI CHÍNH**

**PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH CỦA CƠ SỞ DẠY NGHỀ**

**1 KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KHẮC PHỤC CÁC ĐIỂM TỒN TẠI NĂM TRƯỚC [1]**

**2 KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH NĂM BÁO CÁO [2]**

**3 CÁC ĐIỂM TỒN TẠI CHÍNH VÀ KẾ HOẠCH KHẮC PHỤC**

**PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

**PHỤ LỤC Phụ lục 1. Quyết định thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng dạy nghề của cơ sở dạy nghề (hoặc Quyết định kiện toàn Hội đồng kiểm định chất lượng dạy nghề của cơ sở dạy nghề)**

**Phụ lục 2. Kế hoạch tự kiểm định của cơ sở dạy nghề**

**Phụ lục 3. Bảng mã minh chứng [3]**

[1] Kết quả thực hiện kế hoạch khắc phục các điểm tồn tại năm trước theo Mẫu 4.1

[2] Kết quả tự kiểm định năm báo cáo theo Mẫu 4.2

[3] Bảng mã minh chứng theo Mẫu 4.3

**Mẫu 4.1. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KHẮC PHỤC CÁC ĐIỂM TỒN TẠI NĂM TRƯỚC (NĂM <M-1>)**

| Tiêu chí | Các điểm tồn tại chính năm <M-1> | Kế hoạch khắc phục các điểm tồn tại năm <M-1> (*đã xác định trong báo cáo tự kiểm định năm <M-1>*) | Kết quả thực hiện kế hoạch khắc phục các điểm tồn tại năm <M-1> |
|---|---|---|---|
| Tiêu chí 1: | | | |
| | - … | | |
| Tiêu chí 2: | | | |
| | - … | | |
| Tiêu chí 3: | | | |
| | - … | | |
| Tiêu chí 4: | | | |
| | - … | | |
| Tiêu chí 5: | | | |
| | - … | | |
| Tiêu chí 6: | | | |
| | - … | | |
| Tiêu chí 7: | | | |
| | - … | | |
| Tiêu chí 8: | | | |
| | - … | | |
| Tiêu chí 9: | | | |
| | - … | | |

## Mẫu 4.2. KẾT QUẢ TỰ KIỂM ĐỊNH NĂM <M>

| **Tiêu chí, tiêu, chuẩn chỉ số** | **Nội dung tiêu chí tiêu chuẩn, chỉ số** | **Kết quả kiểm định năm …..** | **Kết quả tự kiểm định năm <M-1>** | **Kết quả tự kiểm định năm <M>** | **Thuyết minh chi tiết kết quả kiểm định năm <M>** (chỉ thuyết minh đối với các chỉ số có kết quả đánh giá khác so với năm <M-1>, ví dụ năm <M-1> có chỉ số a đánh giá chưa đạt, năm <M> đánh giá là đạt và ngược lại) |
|---|---|---|---|---|---|
| **Cấp độ** | | | | | |
| **Tổng điểm** | | | | | |
| **Tiêu chí 1** | **Mục tiêu, nhiệm vụ** | | | | |
| **Tiêu chuẩn 1.1** | | | | | |
| Chỉ số … | | | | | |
| ... | | | | | |
| **Tiêu chuẩn 1.2** | | | | | |
| Chỉ số … | | | | | |
| … | | | | | |
| **Tiêu chuẩn 1.3** | | | | | |
| Chỉ số … | | | | | |
| … | | | | | |
| ***Các Tiêu chí 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 trình bày tương tự như Tiêu chí 1*** | | | | | |

**** Ghi chú: Nội dung tại phần thuyết minh theo chỉ số phải đảm bảo yêu cầu***

- Nội dung thuyết minh nhằm chứng minh cơ sở dạy nghề đạt hay không đạt chỉ số;

- Thông tin ở dạng chi tiết, cụ thể (số liệu, thời gian...);

- Mỗi thông tin, phân tích, đánh giá phải dẫn minh chứng để chứng minh (Minh chứng cần nêu đầy đủ đường dẫn để dễ kiểm tra, đối chiếu (Mã minh chứng - Tên minh chứng).

## Mẫu 4.3. BẢNG MÃ MINH CHỨNG

| Số TT | Tiêu chí, Tiêu chuẩn | Chỉ số | Mã minh chứng | Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số | Tên minh chứng |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 1.1 | Chỉ số 1 | 1.1.1.01 | | |
| 2 | | | 1.1.1.02 | | |
| 3 | | | 1.1.1.03 | | |
| 4 | 1.1 | Chỉ số 2 | 1.1.2.01 | | |
| 5 | | | | (Ví dụ 1.1.1.02) | |
| 6 | | | 1.1.2.02 | | |
| 7 | | | 1.1.2.03 | | |
| 8 | | | 1.1.2.04 | | |
| 9 | | | 1.1.2.05 | | |
| 10 | 1.2 | Chỉ số 1 | 1.2.1.01 | | |
| 11 | | | 1.2..1.02 | | |
| 12 | | | 1.2.1.03 | | |
| 13 | | | 1.2.1.04 | | |
| 14 | | | 1.2.1.05 | | |
| 15 | | | …… | | |

*(Kéo dài bảng theo mẫu trên lần lượt theo thứ tự tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số và số lượng minh chứng của đơn vị)*

*Lưu ý: Tên minh chứng cần nêu rõ Trích yếu nội dung; Ngày, tháng, năm ban hành; Người có thẩm quyền ký ban hành).*